

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1796** /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày **30** tháng **5** năm **2025**

V/v đề nghị báo giá cung cấp vật tư, thiết bị và
dịch vụ sửa chữa Hệ thống công nghệ thông tin thị
trường điện (lần 2)

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị triển khai công tác sửa chữa lớn các thiết bị năm 2026. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá các loại vật tư, thiết bị theo phụ lục đính kèm *(có thể báo giá một hoặc một số hoặc toàn bộ vật tư, thiết bị theo khả năng cung cấp của mình)*.

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Báo giá: do người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá *(kèm theo giấy ủy quyền, quyết định hoặc tài liệu tương đương khác)*.

+ Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng được kinh doanh có điều kiện (nếu có).

+ Các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự với các hàng hóa báo giá *(kèm theo các tài liệu chứng minh đã thực hiện hoàn thành hợp đồng)*.

- Yêu cầu đối với vật tư, thiết bị báo giá: cam kết vật tư, thiết bị là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có ký, mã hiệu, nhãn mác, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

- Địa điểm giao hàng: tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV *(Địa chỉ: Đông Sơn, Bình Khê, Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh)*.

- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV *(Địa chỉ: Đông Sơn, Bình Khê, Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266323; Fax: 0203.6266324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com)*.

- Thời gian báo giá: chậm nhất đến 16 giờ 30 ngày 10/6/2025.

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên

phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC 1: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số **1796** /NĐĐT-KHVT ngày **30/5/2025** của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Thiết bị định tuyến (Router)	- Tổng thông lượng: ≥ 50 Mbps (nâng cấp được lên ≥ 100 Mbps thông qua license) - Khe cắm card NIM (Network Interface Module): ≥ 2 - Khe ISC trên bo mạch: ≥ 1 - DRAM (Mặc định/Tối đa): ≥ 4 G - Bộ nhớ Flash (Mặc định/Tối đa) ≥ 4 G - Liên kết: Hỗ trợ nhiều dạng liên kết: T1/E1, T3/E3, Serial, xDSL, Gigabit and Ten-Gigabit Ethernet - Nguồn: AC Power - Điện áp vào: 100 - 240 VAC - Tần số: 50 - 60 Hz - Giao thức: IPv4, IPv6, định tuyến tĩnh, Routing Information Protocol Versions 1 and 2 (RIP and RIPv2), Open Shortest Path First (OSPF), Enhanced Interior Gateway Routing Protocol (EIGRP), Border Gateway Protocol (BGP) - Hỗ trợ Security (SEC) IP Base + Advanced Security: Zone Based Firewall, IPSec VPN, EZVPN, DMVPN, FlexVPN - Phụ kiện: Cáp nguồn và các phụ kiện lắp đặt	Thiết bị	1,0			
2	Thiết bị chuyển mạch Switch	- 24 GigE, 2 x 10G SFP+, LAN Base - CPU: ARMv7 800MHz - DRAM: 512 MB - Flash Memory: 256MB - Forwarding bandwidth: 28Gbps - Switching bandwidth: 56Gbps - 10/100/1000 Ethernet Perts full duplex: 24 ports - Power: Nguồn AC, 220V, 50-60Hz	Thiết bị	1,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		- Hỗ trợ VLAN, QoS - AC Power Cord (UK), C13, BS 1363, 2.5m					
3	Cáp mạng LAN	- Hỗ trợ chuẩn Gigabit Ethernet - Thỏa tất cả các yêu cầu của Gigabit Ethernet (IEEE/802.3ab) - Thăm tra độc lập bởi ETL SEMKO - Băng thông hỗ trợ tới 600 MHz - Hiệu suất 3dB NEXT trên chuẩn Cat 6 - Độ dày lõi 23 AWG, 4-cặp UTP - Vỏ cáp CM với nhiều chuẩn màu như: trắng, xám, xanh dương, vàng, được đóng gói dạng wooden reel, với chiều dài 1000 feet - Điện dung: 5.6 nF/100m - Trở kháng: 100 ohms +/-15%, 1 MHz to 600 MHz - Điện trở dây dẫn: 66.58 ohms max/1km - Điện áp: 300VAC hoặc VDC - Độ trễ truyền: 536 ns/100m max. @ 250 MHz - Độ uốn cong: (4 X đường kính cáp) $\approx 1''$ - Đóng gói: 305 mét/cuộn	Cuộn	1,0			
4	Máy tính đo đếm	- 14th Gen Intel Core i7 14700 (Intel LGA1700 - 20 Core - 28 Thread - Base 2.1Ghz - Turbo 5.4Ghz - Cache 33MB) - Hệ điều hành: Windows 11 Pro - RAM: 32 GB: 2 x 16 GB, DDR5, 4400 MT/s, ECC, dual-channel - Ổ cứng: 512 GB, M.2 2280, Gen 4 PCIe NVMe, SSD, Class 40 - Chuột, bàn phím - Màn hình: 23.8 inch - Các phần mềm được cài đặt: phần mềm thu thập số liệu đo đếm Datalink+(48P Version 1-00200X); Phần mềm đọc số liệu Elster Power Master Unit PMU (phiên bản 2.4.1.28); phần mềm mã hóa và truyền số liệu tự động MDS (phiên bản 1.0.0.0),...	Bộ	1,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
5	Thiết bị chuyển đổi RS485/Ethernet	- 1 cổng điện chuẩn RJ-45 tốc độ 10/100 Mbps; chế độ song công hoặc bán song công - Hỗ trợ Modbus TCP, Modbus RTU, Modbus ASCII, IP, ARP, DHCP và giao thức DNS - Hỗ trợ 1 cổng Ethernet tốc độ 10/100M - Hỗ trợ 1 cổng RS-485/422 - Hỗ trợ cấu hình WEB và Telnet - Chuyển đổi giữa Modbus TCP và Modbus RTU/ASCII - Hỗ trợ RTU Slave, RTU Master, ASCII Slave, ASCII Master bốn chế độ hoạt động - Hỗ trợ chức năng ánh xạ ID, để đạt được sự quản lý của ID chủ - Tốc độ truyền thông 300bps~115200bps và không chặn truyền thông - Hỗ trợ lọc địa chỉ IP và địa chỉ MAC - Hỗ trợ kết nối phụ thuộc đến 16 điểm qua TCP - Hỗ trợ kết nối chính tới 32 điểm kết nối qua TCP - Hỗ trợ cài đặt thời gian chờ phản hồi - Hỗ trợ giao tiếp qua cổng và bộ định tuyến chéo - Cấp bảo vệ IP30, vỏ kim loại, lắp đặt treo tường - Không quạt tản nhiệt, mức tiêu thụ điện thấp - Điện áp: 9-30 VDC - Nguồn (đi kèm): 12 VDC/a.5A; 100-240 VAC 50-60 Hz	Thiết bị	1,0			
6	Phần mềm thu thập số liệu đo đếm	- Đọc dữ liệu đo đếm tại chỗ, từ xa qua LAN/WAN - Tích hợp đọc nhiều loại công tơ khác nhau: Elster, Landis and Gyr, EDM I ... - Đọc tự động và thủ công các số liệu được ghi và lưu trữ trên công tơ. - Phân quyền quản trị cho phần mềm ở các mức: Toàn quyền và vận hành, - Xuất ra file số liệu đo đếm tự động và thủ công theo định dạng	Bộ	1,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		txt và csv theo chu kỳ tích phân 30 phút. - Tự động đọc chỉ số chốt tháng của công tơ. - Mã hóa dữ liệu trong quá trình truyền và nhận dữ liệu. - Đọc dữ liệu tại mọi thời điểm phục vụ trong quá trình giám sát hệ thống. - Báo cáo tổng hợp chốt tháng - Tổng hợp số liệu lịch sử công tơ (U, I, Hệ số công suất) - Giám sát số liệu vận hành trong ngày - Tổng hợp sự kiện xảy ra trong công tơ					
7	Phần mềm Microsoft Office 2025 hoặc tương đương	- Phiên bản: Standard 2025 - Số máy cài đặt: Dùng cho 1 Máy tính - Thời hạn bản quyền: Vĩnh viễn - Hình thức cấp phép: Là dạng cấp phép cho thiết bị chưa cài đặt phần mềm bản quyền. Office Standard (Word, Excel, PowerPoint, Outlook, Publisher, OneNote)	Bộ	3,0			
8	Máy tính DIM, Chào giá, Đối soát thanh toán	- 14th Gen Intel Core i7 14700 (Intel LGA1700 - 20 Core - 28 Thread - Base 2.1Ghz - Turbo 5.4Ghz - Cache 33MB) - Hệ điều hành: Windows 11 Pro - RAM: 32 GB: 2 x 16 GB, DDR5, 4400 MT/s, ECC, dual-channel - Ổ cứng: 512 GB, M.2 2280, Gen 4 PCIe NVMe, SSD, Class 40 - Chuột, bàn phím - Màn hình: 23.8 inch	Bộ	1,0			
9	Máy tính vận hành	- 14th Gen Intel Core i7 14700 (Intel LGA1700 - 20 Core - 28 Thread - Base 2.1Ghz - Turbo 5.4Ghz - Cache 33MB) - Hệ điều hành: Windows 11 Pro - RAM: 32 GB: 2 x 16 GB, DDR5, 4400 MT/s, ECC, dual-channel - Ổ cứng: 512 GB, M.2 2280, Gen 4 PCIe NVMe, SSD, Class 40	Bộ	1,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		- Chuột, bàn phím - Màn hình: 23.8 inch					
10	Máy chủ CSDL	- Bộ vi xử lý: 01 x Intel Xeon Gold 6230 2.1G, 20C/40T, 10.4GT/s, 27.5M Cache, Turbo, HT (125W) DDR4-2933 - Khe cắm bộ vi xử lý: Có thể cài đặt 2 bộ vi xử lý Intel® Xeon® SP, lên đến 28 cores/bộ vi xử lý - Bộ nhớ trong: 02 x 32 GB RDIMM, 3200MT/s, Dual Rank 16Gb BASE - Bộ nhớ (có khả năng mở rộng): + 24 khe cắm DDR4 DIMM, Hỗ trợ RDIMM/LRDIMM, lên đến 3TB max DIMM + Lên đến 12 NVDIMM, 192 GB dung lượng tối đa + Hỗ trợ registered ECC DDR4 DIMMs + Memory hỗ trợ tối đa lên tới 7.68TB - Ổ SSD: 02 x 480 GB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512 2.5in Hot-Plug AG Drive, 1 DWPD - Ổ HDD: 02 x 2.4 TB 10K RPM SAS 12Gbps 2.5in Hot-plug Hard Drive - Cấu hình RAID: RAID Controller tích hợp 2GB cache, hỗ trợ RAID 0,1,5,6,10,50,60 (Có tùy chọn card RAID 8GB Cache) - Khay đĩa: Hỗ trợ lên 16 x 2.5" SAS/SATA (HDD/SSD), Máy chủ có tùy chọn sử dụng thành phần lưu trữ tối ưu cho khởi động Boot Optimized Storage Solution - BOSS với 02 ổ M.2 SSD chạy RAID 1 mà không chiếm dụng khe cắm ổ cứng - Ổ đĩa Quang: Có sẵn DVD+/-RW - Tính năng bảo mật: Hỗ trợ các tính năng bảo mật sau: + TPM 1.2/2.0 optional: Đáp ứng tiêu chuẩn bảo mật Trusted Platform Module 2.0 + Cryptographically signed firmware: Phần mềm được mã hóa + Chức năng khởi động an toàn - Secure Boot	Bộ	1,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		+ Ngăn ngừa các thay đổi trái phép, độc hại với chức năng System Lockdown + Chức năng xoá bỏ tất cả các dữ liệu trong máy chủ nhanh chóng và an toàn để bảo mật dữ liệu với chức năng - Secure erase - I/O & Cổng kết nối: + Hỗ trợ các lựa chọn Network daughter: 4 x 1GE or 2 x 10GE + 2 x 1GE or 4 x 10GE or 2 x 25GE + Cổng phía trước: Video, 2 x USB 2.0 + Cổng phía sau: Video, serial, 2 x USB 3.0, dành riêng cho cổng mạng của iDRAC + Video card: VGA + Tùy chọn hỗ trợ lên đến 8 PCIe Gen 3 slots, tối đa với 4 x 16 slots - Trình điều khiển Mạng: Dual port 10GbE SFP+ & Dual port 1GbE Base-T, đi kèm 02 mô đun quang 10Gb SFP+ SR - Nguồn: Dual, Hot-plug, Redundant Power Supply (1+1), 750W, có khả năng thay nóng với khả năng hoạt động tương hỗ cho nhau, 6 quạt có thể thay nóng với khả năng hoạt động tương hỗ cho nhau - Hỗ trợ GPU: Tùy chọn hỗ trợ tới 06 card GPU - Quản trị: + Tích hợp sẵn thành phần chứa các công cụ quản trị cho phép cấu hình, cập nhật firmware, triển khai HĐH, giám sát tình trạng máy chủ + Tự động cập nhật thông minh, có khả năng khôi phục lại cấu hình máy chủ + Có tùy chọn hỗ trợ chức năng Quick Sync 2 wireless module (optional), cho phép quản trị, kiểm tra tình trạng máy chủ, giám sát, khắc phục sự cố từ ứng dụng hỗ trợ thiết bị trên iOS hoặc Android thông qua hệ thống mạng không dây (wifi hoặc bluetooth)					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		+ Có tùy chọn tính năng cho phép máy chủ tự động yêu cầu hỗ trợ khắc phục sự cố chủ động với trung tâm hỗ trợ của hãng với chức năng SupportAssist hoặc tương đương - Các HĐH hỗ trợ: Canonical® Ubuntu® LTS, Citrix® Hypervisor, Microsoft Windows Server® with Hyper-V, Red Hat® Enterprise Linux, SUSE® Linux Enterprise Server, VMware® ESXi - Bảo hành: 3 năm dịch vụ hỗ trợ & trợ giúp trực tuyến 24 x 7 và dịch vụ hỗ trợ thay thế linh kiện (sau khi xác định được lỗi) tận nơi vào ngày làm việc tiếp theo (Mức bảo hành chuyên nghiệp của nhà sản xuất) - Chiều cao thân máy: 2U Rack - Màn hình 23.8 inche - Chuột, bàn phím					
11	Tủ rack 42U	- Kích thước: H2100*W800*D1000 - Màu sắc: Đen trắng xám - Vật liệu: Tole sơn tĩnh điện - 06 Thanh giằng đỡ khung - Vỏ tủ dày 1mm - 04 Thanh gắn thiết bị dày 2mm TC EIA 310D - Cửa trước dạng lưới/mica, Ổ khóa bật - Cửa sau dạng tấm/lưới, Ổ khóa bật - 04 Cánh hông bắt vít dễ dàng tháo lắp - 01 bộ chân đế điều chỉnh - 04 bánh xe chịu tải, có thể tháo rời. - 04 Quạt thông gió, 01 Ổ cắm 6 chấu đa năng	Cái	1,0			
12	Phần mềm diệt virus	- Tính năng: Bảo vệ máy chủ; Quản lý qua web; Bảo mật dữ liệu tài chính; Bảo mật duyệt web & email; Bảo mật tập tin; Ngăn chặn virus mã hóa; Bảo mật duyệt web & email; Bảo mật mật khẩu	Bộ	1,0			

[illegible]

PHỤ LỤC 2: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ PHẦN DỊCH VỤ

(Kèm theo Văn bản số **1796** /NĐĐT-KHVT ngày **30/5/2025** của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Mô tả nội dung công việc (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tháo dỡ toàn bộ các thiết bị cũ hiện hữu	Hệ thống	01			
2	Lắp đặt, cài đặt cấu hình thiết bị định tuyến (Router)	Thiết bị	01			
3	Lắp đặt, cài đặt cấu hình thiết bị chuyển mạch	Thiết bị	01			
4	Kéo dây, đấu nối dây cáp mạng Lan Cat 6	Hệ thống	01			
5	Đo, kiểm tra thông luồng, định tuyến toàn bộ hệ thống kết nối với NSMO	Hệ thống	01			
6	Lắp đặt máy tính đo đếm, cài đặt hệ điều hành, phần mềm ứng dụng cho máy tính và các phần mềm thu thập và truyền tải số liệu đo đếm	Thiết bị	01			
7	Lắp đặt, cài đặt, cấu hình thiết bị chuyển đổi RS485/Ethernet	Thiết bị	01			
8	Lắp đặt, cài đặt hệ điều hành, phần mềm văn phòng và các phần mềm ứng dụng cho máy tính DIM	Thiết bị	01			
9	Lắp đặt, cài đặt hệ điều hành, phần mềm văn phòng và các phần mềm ứng dụng cho máy tính vận hành	Thiết bị	01			
10	Lắp đặt tủ rack 42U	Tủ	01			
11	Lắp đặt máy chủ CSDL, cài đặt hệ điều hành cho máy chủ, cài đặt các phần mềm ứng dụng: SQL Sever, phần mềm diệt virus...	Thiết bị	01			
Cộng						
Thuế GTGT 10%						
Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)						
Bảng chữ:						